

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/DS-ST
Ngày: 23-03-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hùng Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Được
- Ông Nguyễn Trung Hòa

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Chung Hữu Toàn là Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa:** Ông Lý Phước Bền - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2022/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2023/QĐST-DS, ngày 08/3/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lý Thị Ngọc H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp A, xã M, huyện K, tỉnh S.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Tú H, sinh năm 1995. Địa chỉ: Ấp B, xã N, huyện A, tỉnh K có mặt.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1968 vắng mặt.

Địa chỉ: Ấp M, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là chị Đoàn Thị Tú H trình bày: Vào ngày 01/4/2017 hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ có thỏa thuận bán thức ăn và thuốc

thủy sản cho bà Trần Thị Tuyết M, khi thu hoạch tôm bà có trách nhiệm thanh toán hết công nợ phát sinh của vụ nuôi cho hộ kinh doanh M. Quá trình nuôi tôm bà M mặc dù đã thu hoạch tôm nhưng không thanh toán số tiền nào sau đó hai bên ngưng giao dịch, công nợ bà còn thiếu hộ kinh doanh M là 256.401.000 đồng. Sau đó bà hứa sẽ thanh toán vào mỗi vụ thu tôm nhưng từ thời điểm hai bên ngưng giao dịch năm 2019 đến nay bà chỉ trả cho hộ kinh doanh M được 10.000.000 đồng từ đó đến nay bà không trả nữa. Hộ kinh doanh M vẫn cho thời gian để thanh toán, nhân viên nhiều lần nhắc nhở yêu cầu thanh toán nợ, bà tiếp tục hứa hẹn mà không thực hiện dẫn đến vi phạm thỏa thuận đã ký kết, ảnh hưởng quyền lợi của bên bán hàng hóa. Nay chị Lý Thị Ngọc H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Tuyết M trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền nợ gốc 246.401.000 đồng, nợ lãi từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/6/2022 là 77.715.000 đồng ($246.401.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng}$) và đến khi xét xử xong vụ án.

- Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng nhưng bà M vắng mặt không lý do và không cung cấp lời khai, chứng cứ về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M phải trả số tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản tổng số tiền là 324.116.000 đồng. Trong đó nợ gốc là 246.401.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 01/6/2022 ($246.401.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 38 \text{ tháng}$) là 77.715.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị Tuyết M vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, các bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Việc mua bán hai bên có lập hợp đồng mua bán và có lập bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 24/5/2021 có chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Tuyết M. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 430, 433 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị Tuyết M phải trả tiền gốc và nợ lãi tổng cộng 324.116.000 đồng. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bà Trần Thị Tuyết M phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định. Chị Lý Thị Ngọc H không phải chịu án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lý Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Tuyết M trả tiền thức ăn và thuốc thủy sản còn nợ và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Trần Thị Tuyết M là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Tuyết M.

[3] Về nội dung: Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc H cho rằng bà Trần Thị Tuyết M có mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ còn nợ với số tiền 256.401.000 đồng, sau đó bà M có trả cho chị Huỳnh với số tiền 10.000.000 đồng. Nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu bà M trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền còn nợ là 246.401.000 đồng. Xét thấy tại bảng đối chiếu xác nhận công nợ ngày 24/5/2021 có chữ ký và chữ viết tên Trần Thị Tuyết M, theo bảng đối chiếu xác nhận công nợ trên thể hiện bà M có nợ tiền mua thức ăn và thuốc thủy sản của hộ kinh doanh M số tiền 256.401.000 đồng, sau khi đối chiếu công nợ bà M có trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 246.401.000 đồng. Đối với bà Trần Thị Tuyết M đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để hòa giải và xét xử nhưng bà M vắng mặt không cung cấp lời khai cho Tòa án và không có ý kiến đối với yêu cầu của chị Lý Thị Ngọc H. Điều đó chứng tỏ bà M đã biết rõ nội dung chị Lý Thị Ngọc H khởi kiện và số tiền chị Lý Thị Ngọc H yêu cầu bà M phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng bà M không có ý kiến phản đối gì về yêu cầu của chị Huỳnh đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự xác định tình tiết bà M nợ Hộ kinh doanh M do chị Huỳnh làm chủ với số tiền mua thức ăn tôm và thuốc thủy sản 246.401.000 đồng là có thật và đây là tình tiết không phải chứng minh. Như vậy Hộ kinh doanh M do chị Lý Thị Ngọc H làm chủ yêu cầu bà M trả số tiền 246.401.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 440 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] Ngoài yêu cầu trả số tiền gốc nguyên đơn còn yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ theo mức lãi suất 10%/năm tương đương 0,83%/tháng, thời gian tính lãi từ 01/4/2019 đến ngày 01/6/2022 là 38 tháng là có căn cứ và phù hợp tại Điều 357 của Bộ luật dân sự nên được chấp nhận. Như vậy số tiền lãi mà bà M còn phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H là: 246.401.000 đồng x 0,83%/tháng x 38 tháng = 77.715.000 đồng. Tổng số tiền mà bà Trần Thị Tuyết M phải trả cho chị Lý Thị Ngọc H là 324.116.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc H được chấp nhận, nên các bị đơn bà Trần Thị Tuyết M chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 228 Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 357, 430 và Điều 440 của Bộ luật Dân sự.

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị Ngọc H buộc bà Trần Thị Tuyết M trả cho chị Lý Thị Ngọc H tổng số tiền 324.116.000 đồng. Trong đó tiền gốc là 246.401.000 đồng, tiền lãi là 77.715.000 đồng.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

- Nguyên đơn chị Lý Thị Ngọc H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị Lý Thị Ngọc H số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 8.102.900 đồng theo biên lai thu tiền số 0012513 ngày 10 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Buộc bị đơn bà Trần Thị Tuyết M chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 16.205.800 đồng.

3. Về Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án

dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã Ký)

Trần Ngọc Hùng Anh